

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 4: MẸ VÀ GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ
Thời gian thực hiện: 3 Tuần (Từ ngày: 08/12 – 26/12/2025)

STT	Độ Tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	18-24T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay – đưa về phía trước sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa	- Chân: Dạng sang 2 bên	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Tay giơ cao, hạ xuống + Đưa ra phía trước, hạ xuống + Đưa sang ngang, hạ xuống - Bụng: + Nghiêng sang trái, sang phải + Cúi về phía trước - Chân: + Ngồi xuống đứng lên + Dạng sang 2 bên + Co duỗi từng chân
2	24-36T	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	- Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân	
3	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trong đường hẹp, đi theo hiệu lệnh	- Đi trong đường hẹp - Đi theo hiệu lệnh		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - VĐ: -Đi theo hiệu lệnh(18-36T) - Đi trong đường hẹp (18-24T) - Bật xa bằng 2 chân(24-36T) - Trườn chui qua cổng(24-36T) - Trườn đến vật
4	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: Đi theo hiệu lệnh, bật xa bằng 2 chân	- Đi theo hiệu lệnh - Bật xa bằng 2 chân		

7	18-24T	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn qua vật cản.	- Trườn đến vật chuẩn		chuẩn (18-24T) * Hoạt động chơi - TC: + Đuổi bóng + Bắt bướm + Gieo hạt
8	24-36T	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn chui qua cổng	- Trườn chui qua cổng		
11	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguyệt ngoạc bằng ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi trong giờ đón trả trẻ - Hoạt động góc (Góc thao tác vai: Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn...) + Góc vận động: Luồn dây, nhón nhặt hột hạt...)
12	24-36T	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.		
13	18-24T	- Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Xếp chồng 3-4/5-6 khối vuông/trụ.	- Tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn/vuông. - Đóng mở nắp có ren	* HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVĐV: + Xâu vòng màu xanh, đỏ + Xếp cái cổng + Di màu chiếc áo của mẹ
14	24-36T	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...		- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6	* Hoạt động chơi * Hoạt động chơi: - HĐG (Góc hoạt động với đồ vật: Xếp chồng, xếp cạnh, tập xâu... góc vận động: Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt hột hạt...) - TCM: Đoán vật, chầm và nổi, tắm cho em

				- 8 khối.	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	18-24 T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.(ăn cơm, thịt, cá, rau...)		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ ăn: + Trò chuyện về các loại thức ăn, tập ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau (cơm, thịt xào củ quả, trứng thịt...) + Tập cho trẻ 1 số thao tác cơ bản trong ăn uống như không làm rơi vãi, cầm thìa bằng tay phải, tay trái cầm bát...
16	24-36 T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Trẻ nghe, nói được 1 số từ: Bát, thìa, thịt băm, cơm hạt...
17	18-24T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc / Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh, cá nhân: - Trong giờ ngủ: Tập cho trẻ thói quen ngủ đúng giờ, ngủ một giấc
19	18-24T	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt:	*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: + Tập cho trẻ 1 số

20	24-36T	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định + Tập rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
21	18-24T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video một số hành động nguy hiểm và trò chuyện với trẻ .
22	24-36T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	.. + Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
23	24-36 T	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) + Không dẫm lên hột hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang...
24	18-24 T	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai...), những nơi nguy hiểm	* Hoạt động giao

		đun...) khi được nhắc nhở.		không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương nơi mình đang sinh sống) - Mặc quần áo khi trời lạnh	lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: + Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo trèo nắp bể, giếng... + Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video một số hành động nguy hiểm và trò chuyện với trẻ + Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
25	24-36T	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
26	18-24T	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
27	24-36T	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

28	18-24 T	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe...để nhận biết đặc điểm nổi bật cái cốc, cái nôi, cái chảo...	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: HĐNB - NB cái cốc - NB cái nôi, cái chảo *Hoạt động chơi - DCNT: Yêu cầu trẻ tìm vật cô vừa cất giấu
29	24-36 T	- Trẻ sờ nắn, nhìn để nhận biết đặc điểm của đối tượng: cái cốc. cái chảo, cái nôi,..		- Sờ nắn đồ dùng(cái cốc, cái nôi, cái chảo	- HDG (góc hđvdv: chơi với các khối nhựa, hạt hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
30	18-24 T	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân		- Trẻ biết tên của một số người gần gũi trong gia đình, bé	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐNB: + Nhận biết cái cốc + Nhận biết cái nôi, cái chảo + Trò chuyện về mẹ của bé * Hoạt động chơi - HDG: Trẻ chơi ở góc bế em tập làm chị nói chuyện với em... * HĐ giao lưu cảm xúc - Giờ đón, trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ. Cho trẻ xem tranh ảnh và hỏi trẻ về người thân gần gũi như bố con tên gì? Mẹ con tên gì?...
31	18-24 T	- Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi			
33	24-36 T	- Trẻ nói được tên của những		- Tên và công việc của những	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐNB:

		người gần gũi khi được hỏi		người thân gần gũi gia đình.	+ Nhận biết cái cốc + Nhận biết cái nôi, cái chảo + Trò chuyện về mẹ của bé * HĐ chơi: - Trong giờ đón, trả trẻ: Trò chuyện về tên cô giáo và các bạn trong lớp.
38	18-24 T	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn		- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to -nhỏ	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: + Nhận biết cái cốc + Nhận biết cái nôi, cái chảo + Trò chuyện về mẹ của bé - HĐVĐV: + Xếp cái cổng + Di màu chiếc áo mẹ * Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời - Hoạt động góc(góc hđvđv: chơi với các khối nhựa, hạt hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
39	24-36 T	- Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu		- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một- nhiều)	
40	24-36 T	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu		- Hình tròn, hình vuông	
3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ					
41	18-24 T	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây”; “đi rửa tay”;.....		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong) - HĐG (Chơi ở các góc chơi: Góc HĐVĐV cất khối nhựa, hạt hạt, nút nhựa....) - Chơi - tập buổi
42	24-36 T	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời	

		động: (VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”)		nói.	chiều (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)
43	18-24 T	- Trẻ hiểu được từ “không”; dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Chơi – tập buổi chiều
44	24-36 T	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Cái gì đây?”; “Cái cốc để làm gì?”; “Cái nôi để làm gì; “Cái chảo để làm gì?”...		- Nghe các câu hỏi: ““Cái gì đây?”; “Cái cốc để làm gì?”; “Cái nôi để làm gì; “Cái chảo để làm gì?”...	- Nghe các câu hỏi: Đây là ai? Mẹ con tên là gì? Cô có cái gì đây? Cái cốc này dùng để làm gì?... * Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Mẹ con tên là gì? Cô có cái gì đây? Đây là cái gì?...
45	18-24 T	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Cái gì đây?”; “Cái cốc để làm gì?”; “Cái nôi để làm gì; “Cái chảo để làm gì?”...		- Nghe các câu hỏi: “Cái gì đây?”; “Cái cốc để làm gì?”; “Cái nôi để làm gì; “Cái chảo để làm gì?”... - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Mẹ con tên là gì? Cô có cái gì đây? Đây là cái gì?... * Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ + Nụ cười của bé + Cháu yêu bà + Yêu mẹ - Xem tranh ảnh
46	24-36 T	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát	

		tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		và truyện ngắn.	video và gọi tên các nhân vật.
47	18-24 T	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	
48	24-36 T	- Trẻ phát âm rõ tiếng		- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	
49	18-24T	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ: - Nụ cười của bé - Cháu yêu bà - Yêu mẹ * Hoạt động giao lưu cảm xúc.
50	24-36T	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	- Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ như tập chào cô giáo, chào bố, mẹ... * Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Tập mời cô, mời các

					bạn - Trong giờ vệ sinh: Tập nói với cô khi có nhu cầu - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con uống nước”, “Con muốn đi vệ sinh”...
51	18-24T	- Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: Cái chân này bẩn, cái áo xinh, cái váy này đẹp thế...			* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định
52	24-36T	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Thể hiện được sự lễ phép (Con xin đọc thơ, hát)..) - Trẻ đọc được đoạn thơ ngắn với sự giúp đỡ của cô. - Trẻ chỉ và nói, được tên, hành động gần gũi trong tranh, nhân vật trong truyện hoặc nói được khi cô gợi ý.
53	18-24 T	- Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu muốn uống nước, cháu muốn...)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh
54	24-36T	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu	- Trong giờ ăn: Nói với cô giáo (Con xin cô bát cơm, con xin cô bát canh...) - Trong giờ vệ sinh - Nghe, hiểu, sử

		chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Cái gì đây?”...		cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”	dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con xin cô, con ạ cô”, “Con muốn đi vệ sinh”...
55	24-36T	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
56	18-24 T			- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh	

4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

60	18-24T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người thân gần gũi.		- Giao tiếp với cô và bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Tập giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ. * Hoạt động chơi – tập có chủ định
61	24-36T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh	- Thích trả lời các câu hỏi của cô. * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

					- Trong ăn: Trẻ thể hiện nhu cầu khi đói, khi ăn no. - Trong giờ ăn: Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.
66	18-24 T	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ: Cô cho trẻ chào cô, chào bố mẹ... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn - Dạy trẻ nói “xin”, “cảm ơn”... - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.
67	24-36 T	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	
68	18-24 T	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại,..)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		* Hoạt động chơi: - HDG: + Góc thao tác vai (Bé em, cho em ăn, thay quần áo cho em, nấu ăn, bác sĩ khám bệnh...) + Chơi tự do trong giờ đón, trả trẻ
69	24-36 T	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện			Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bé búp bê, ru em ngủ.

		thoại,...)			
70	18-24 T	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.			* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động chơi: - Chơi tự do các góc. - Chơi ngoài trời. - Chơi trò chơi mới.
71	24-36 T	- Trẻ biết thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	
72	24-36 T	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	
73	18-24T	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Cháu yêu bà - NH: Cả nhà thương nhau, mẹ yêu không nào * Hoạt động chơi - TC: Thi xem ai nhanh; Ai đoán đúng
74	24-36T	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	

75	18-24T	- Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh ·	- Tập cầm bút vẽ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Xâu vòng màu xanh, đỏ - Xếp cái cổng - Di màu chiếc áo của mẹ *Hoạt động chơi: - HĐG (Góc nghệ thuật) - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn)
76	24-36T	- Trẻ thích tô màu, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	

*** Tổng số mục tiêu:**

- Trẻ 18-24 tháng: 29
- Trẻ 24-26 tháng: 30

NGƯỜI LẬP

BGH PHÊ DUYỆT

Phàng Thị Tấu

Hoàng Thị Lệ Hằng